CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN - HÀ NỘI

Số: 240 /2023/BC-SHS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Kính gửi: **Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam**
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 02/2023 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 02/2023

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA		TCM	AAA
2	AAT			AAT
3	ABS			ABS
4	ABT			ABT
5	ACB			ACB
6	ACC			ACC
7	ACL			ACL
8	ADG			ADG
9	ADS			ADS
10	AGG			AGG
11	AGR			AGR
12	ANV			ANV
13	APC			APC
14	APG			APG
15	APH			APH
16	ASM			ASM
17	BAF			BAF
18	BBC			BBC
19	BCG			BCG
20	BCM			BCM
21	BFC			BFC
22	BHN			BHN
23	BIC			BIC
24	BID			BID
25	BKG			BKG
26	BMC			BMC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
27	BMI			BMI
28	BMP			BMP
29	BRC			BRC
30	BSI			BSI
31	BTP			BTP
32	BVH			BVH
33	BWE			BWE
34	C32			C32
35	C47			C47
36	CAV			CAV
37	CCL			CCL
38	CDC			CDC
39	CHP			CHP
40	CII			CII
41	CKG			CKG
42	CLC			CLC
43	CLL			CLL
44	CMG			CMG
45	CMX			CMX
46	CNG			CNG
47	CRC			CRC
48	CRE			CRE
49	CSM			CSM
50	CSV			CSV
51	CTD			CTD
52	CTF			CTF
53	CTG			CTG
54	CTI			CTI
55	CTR			CTR
56	CTS			CTS
57	CVT			CVT
58	D2D			D2D
59	DAG			DAG
60	DAH			DAH
61	DBC			DBC
62	DBD			DBD
63	DBT			DBT
64	DCL			DCL
65	DCM			DCM
66	DGC			DGC
67	DGW			DGW

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
68	DHA			DHA
69	DHC			DHC
70	DHG			DHG
71	DHM			DHM
72	DIG			DIG
73	DMC			DMC
74	DPG			DPG
75	DPM			DPM
76	DPR			DPR
77	DQC			DQC
78	DRC			DRC
79	DRH			DRH
80	DRL			DRL
81	DSN			DSN
82	DVP			DVP
83	DXG			DXG
84	DXS			DXS
85	EIB			EIB
86	ELC			ELC
87	EVE			EVE
88	EVF			EVF
89	EVG			EVG
90	FCM			FCM
91	FCN			FCN
92	FIR			FIR
93	FIT			FIT
94	FMC			FMC
95	FPT			FPT
96	FRT			FRT
97	FTS			FTS
98	GAS			GAS
99	GDT			GDT
100	GEG			GEG
101	GEX			GEX
102	GIL			GIL
103	GMC			GMC
104	GMD			GMD
105	GSP			GSP
106	GTA			GTA
107	GVR			GVR
108	HAH			HAH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
109	HAP			HAP
110	HAR			HAR
111	HAX			HAX
112	HBC			HBC
113	HCD			HCD
114	HCM			HCM
115	HDB			HDB
116	HDC			HDC
117	HDG			HDG
118	HHP			HHP
119	HHS			HHS
120	HHV			HHV
121	HII			HII
122	HMC			HMC
123	HPG			HPG
124	HPX			HPX
125	HQC			HQC
126	HSG			HSG
127	HSL			HSL
128	HT1			HT1
129	HTI			HTI
130	HTL			HTL
131	HTN			HTN
132	HTV			HTV
133	HUB			HUB
134	HVH			HVH
135	IBC			IBC
136	ICT			ICT
137	IDI			IDI
138	IJC			IJC
139	ILB			ILB
140	IMP			IMP
141	ITC			ITC
142	ITD			ITD
143	KBC			KBC
144	KDC			KDC
145	KDH			KDH
146	KHG			KHG
147	KMR			KMR
148	KOS			KOS
149	KPF			KPF

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
150	KSB			KSB
151	L10			L10
152	LBM			LBM
153	LCG			LCG
154	LDG			LDG
155	LGC			LGC
156	LGL			LGL
157	LIX			LIX
158	LPB			LPB
159	LSS			LSS
160	MBB			MBB
161	MCP			MCP
162	MIG			MIG
163	MSB			MSB
164	MSH			MSH
165	MSN			MSN
166	MWG			MWG
167	NAF			NAF
168	NBB			NBB
169	NCT			NCT
170	NHA			NHA
171	NHH			NHH
172	NKG			NKG
173	NLG			NLG
174	NNC			NNC
175	NSC			NSC
176	NT2			NT2
177	NTL			NTL
178	NVL			NVL
179	OCB			OCB
180	OPC			OPC
181	ORS			ORS
182	PAC			PAC
183	PAN			PAN
184	PC1			PC1
185	PDN			PDN
186	PET			PET
187	PGC			PGC
188	PGD			PGD
189	PGI			PGI
190	PGV			PGV

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
191	PHC			PHC
192	PHR			PHR
193	PJT			PJT
194	PLP			PLP
195	PLX			PLX
196	PNJ			PNJ
197	POW			POW
198	PPC			PPC
199	PTB			PTB
200	PVT			PVT
201	QCG			QCG
202	RAL			RAL
203	REE			REE
204	S4A			S4A
205	SAB			SAB
206	SAM			SAM
207	SAV			SAV
208	SBA			SBA
209	SBT			SBT
210	SC5			SC5
211	SCR			SCR
212	SFC			SFC
213	SFG			SFG
214	SFI			SFI
215	SGN			SGN
216	SGR			SGR
217	SHA			SHA
218	SHB			SHB
219	SHI			SHI
220	SHP			SHP
221	SJS			SJS
222	SKG			SKG
223	SMB			SMB
224	SMC			SMC
225	SPM			SPM
226	SRC			SRC
227	SRF			SRF
228	SSB			SSB
229	SSC			SSC
230	SSI			SSI
231	ST8			ST8

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
232	STB			STB
233	STG			STG
234	STK			STK
235	SVC			SVC
236	SVI			SVI
237	SVT			SVT
238	SZC			SZC
239	SZL			SZL
240	TBC			TBC
241	TCB			TCB
242	TCD			TCD
243	TCH			TCH
244	TCL			TCL
245	TCO			TCM
246	TCT			TCO
247	TDC			TCT
248	TDG			TDC
249	TDM			TDG
250	TDP			TDM
251	TEG			TDP
252	THG			TEG
253	THI			THG
254	TIP			THI
255	TLD			TIP
256	TLG			TLD
257	TLH			TLG
258	TMP			TLH
259	TMS			TMP
260	TN1			TMS
261	TNA			TN1
262	TNC			TNA
263	TNH			TNC
264	TPB			TNH
265	TPC			TPB
266	TRA			TPC
267	TRC			TRA
268	TSC			TRC
269	TTA			TSC
270	TTB			TTA
271	TV2			TTB
272	TVB			TV2

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
273	TVS			TVB
274	TVT			TVS
275	TYA			TVT
276	UIC			TYA
277	VCB			UIC
278	VCG			VCB
279	VCI			VCG
280	VDP			VCI
281	VGC			VDP
282	VHC			VGC
283	VHM			VHC
284	VIB			VHM
285	VIC			VIB
286	VIX			VIC
287	VJC			VIX
288	VND			VJC
289	VNE			VND
290	VNL			VNE
291	VNM			VNL
292	VPB			VNM
293	VPG			VPB
294	VPH			VPG
295	VPI			VPH
296	VPS			VPI
297	VRC			VPS
298	VRE			VRC
299	VSC			VRE
300	VSH			VSC
301	VSI			VSH
302	VTO			VSI
303	YBM			VTO
304	YEG			YBM
305				YEG

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 02/2023

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAV			AAV
2	AMV			AMV
3	BAB			BAB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
4	BAX			BAX
5	BCC			BCC
6	BCF			BCF
7	BNA			BNA
8	BPC			BPC
9	BTS			BTS
10	BVS			BVS
11	C69			C69
12	CAP			CAP
13	CDN			CDN
14	CEO			CEO
15	CLH			CLH
16	DDG			DDG
17	DHP			DHP
18	DHT			DHT
19	DL1			DL1
20	DNP			DNP
21	DP3			DP3
22	DTD			DTD
23	DXP			DXP
24	EID			EID
25	EVS			EVS
26	GIC			GIC
27	GKM			GKM
28	GMX			GMX
29	HAT			HAT
30	HCC			HCC
31	HDA			HDA
32	HHC			HHC
33	HJS			HJS
34	HLC			HLC
35	HLD			HLD
36	HMH			HMH
37	HMR			HMR
38	HOM			HOM
39	HTC			HTC
40	HUT			HUT
41	HVT			HVT
42	IDC			IDC
43	IDJ			IDJ
44	IDV			IDV

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
45	INN			INN
46	IPA			IPA
47	ITQ			ITQ
48	LAS			LAS
49	LHC			LHC
50	LIG			LIG
51	MBG			MBG
52	MBS			MBS
53	MCF			MCF
54	MVB			MVB
55	NAG			NAG
56	NBC			NBC
57	NET			NET
58	NRC			NRC
59	NTP			NTP
60	NVB			NVB
61	ONE			ONE
62	PBP			PBP
63	PCE			PCE
64	PDB			PDB
65	PGN			PGN
66	PGS			PGS
67	PLC			PLC
68	PMC			PMC
69	PMS			PMS
70	PPS			PPS
71	PRE			PRE
72	PSD			PSD
73	PSE			PSE
74	PSI			PSI
75	PSW			PSW
76	PVB			PVB
77	PVC			PVC
78	PVG			PVG
79	PVI			PVI
80	PVS			PVS
81	QHD			QHD
82	RCL			RCL
83	S55			S55
84	S99			S99
85	SCI			SCI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
86	SD5			SD5
87	SD9			SD9
88	SED			SED
89	SGC			SGC
90	SHN			SHN
91	SLS			SLS
92	TA9			TA9
93	TAR			TAR
94	TDN			TDN
95	TDT			TDT
96	THT			THT
97	TIG			TIG
98	TNG			TNG
99	TPP			TPP
100	TTC			TTC
101	TTT			TTT
102	TV3			TV3
103	TV4			TV4
104	TVD			TVD
105	VBC			VBC
106	VC2			VC2
107	VC3			VC3
108	VC7			VC7
109	VCC			VCC
110	VCS			VCS
111	VGS			VGS
112	VHE			VHE
113	VIF			VIF
114	VIT			VIT
115	VNC			VNC
116	VNF			VNF
117	VNR			VNR
118	VTV			VTV
119	WCS			WCS

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 02/2023 là https://www.shs.com.vn/News/202331/1011657/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-02-2023.aspx.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập	Kiểm soát	TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Thị Ánh Nguyệt	Ngô Thế Hiển	TỔNG GIÁM ĐỐC Vũ Đức Tiến